

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯỚNG HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 348/BC-UBND

Hướng Hóa, ngày 05 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO

Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững từ năm 2011 đến năm 2020

Thực hiện Kế hoạch số 917/KH-UBND ngày 10/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về tổng kết lĩnh vực giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hóa báo cáo như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện Nghị quyết

1. Công tác triển khai, quán triệt thực hiện Nghị quyết

Nghị quyết 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020 là điều kiện, cơ hội lớn trong việc thực hiện thành công nhiệm vụ giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội. Huyện ủy, UBND huyện đã tổ chức quán triệt, triển khai Nghị quyết đến các phòng ban, cơ quan chuyên môn và các xã, thị trấn trên toàn huyện.

Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 10/6/2013 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Giảm nghèo bền vững huyện do Phó Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban, Trưởng phòng LĐ-TB&XH huyện làm Phó Ban trực và 20 thành viên là trưởng các phòng, ban, đoàn thể cấp huyện. Xây dựng Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 21/6/2013 về việc thực hiện Chương trình mục tiêu Giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Hướng Hóa, giai đoạn 2013- 2015, với mục tiêu hộ nghèo toàn huyện giảm bình quân từ 3,0 - 3,5%/năm (các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn giảm từ 4 - 5%/năm) theo chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2011- 2015.

Chỉ đạo 22 xã, thị trấn hoàn thành việc kiện toàn Ban Giảm nghèo bền vững và Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Giảm nghèo bền vững sát thực với tình hình của địa phương.

2. Hệ thống văn bản chính sách đã ban hành theo từng lĩnh vực

Căn cứ các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và của UBND tỉnh Quảng Trị, UBND huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành để thực hiện mục tiêu giảm nghèo trong giai đoạn 2011 - 2020:

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV, XVI nhiệm kỳ 2010-2015, 2016 - 2020;

- Chương trình hành động số: 01/CTHĐ-UBND ngày 11/01/2011 về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện, Đảng bộ tỉnh lần thứ XV về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh giai đoạn 2010 - 2015. Bình quân hàng năm giảm từ 03 - 04% tỷ lệ hộ nghèo trên toàn huyện.

- Quyết định số: 131/QĐ-UBND ngày 17/01/2011 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 của UBND các xã, thị trấn. Toàn huyện có 410 hộ thoát nghèo, tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống 26,2%.
- Báo cáo số 30/BC-UBND ngày 13/4/2011 về việc kết quả thực hiện chương trình mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010, kế hoạch, giải pháp giai đoạn 2011 - 2015.
- Quyết định số: 1989/QĐ-UBND ngày 17/8/2011 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Giảm nghèo huyện Hướng Hóa.
- Quyết định số: 2108/QĐ-UBND ngày 09/9/2011 về việc phân công các cơ quan, đơn vị giúp đỡ xã khó khăn.
- Quyết định số: 1776/QĐ-UBND ngày 10/6/2013 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Giảm nghèo bền vững huyện.
- Kế hoạch số: 115/KH-UBND ngày 21/6/2013 về việc kế hoạch giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện giai đoạn 2013 - 2015.
- Nghị quyết số 06-NQ/HU ngày 21/01/2014 của Huyện ủy về phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2014, với mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo còn 19,0% vào cuối năm 2014.
- Nghị quyết số 08-NQ/HU ngày 09/02/2015, về phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2015, với mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện còn 16,5% vào cuối năm 2015.
- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hướng Hóa lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020 đã chỉ rõ "giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm là 2,5%-3,0%/năm".
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3, Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XVI số 01-NQ/HU ngày 15/01/2016 của Huyện ủy Hướng Hóa về phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2016, giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 2,5%-3,0%/năm.
- Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 29/3/2016 về việc Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ III, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hướng Hóa và Chương trình công tác trọng tâm của UBND tỉnh Quảng Trị về triển khai kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2016, giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 2,5%-3,0%/năm.
- Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 18/02/2016 về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội năm 2016 cho các xã, thị trấn.
- Kế hoạch số 273/KH-UBND ngày 21/11/2016 về thực hiện chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Hướng Hóa giai đoạn 2016 - 2020.
- Kết luận số 01-Kl/HU ngày 29/12/2016 của Huyện ủy Hướng Hóa tại Hội nghị lần thứ 7, BCH Đảng bộ huyện khóa XVI về kế hoạch phát triển kinh

tế - xã hội, quốc phòng – an ninh năm 2017; giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 2,5%-3,0%/năm;

- Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 28/12/2016 của Hội đồng nhân dân huyện Hướng Hóa về việc thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Hướng Hóa năm 2017; giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 2,5%-3,0%/năm;

Kết luận số 03-KL/HU ngày 27/12/2017 của Huyện ủy Hướng Hóa tại hội nghị lần thứ 11, BCH đảng bộ huyện khóa XVI về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2018;

Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 26/12/2017 của HĐND huyện Hướng Hóa về việc thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Hướng Hóa năm 2018;

Kết luận số 07-KL/HU ngày 19/12/2018 của Huyện ủy Hướng Hóa tại hội nghị lần thứ 16, BCH đảng bộ huyện khóa XVI về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2018 và nhiệm vụ năm 2019;

Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 28/12/2018 của HĐND huyện Hướng Hóa về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Hướng Hóa năm 2019;

Kết luận số 09-KL/HU ngày 19/12/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XVI về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2019 và nhiệm vụ năm 2020;

Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 25/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh huyện Hướng Hóa năm 2020;

Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND huyện về việc ban hành chương trình hành động của UBND huyện thực hiện chương trình hành động của UBND tỉnh, Kết luận số 09-KL/HU ngày 19/12/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 25/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh huyện Hướng Hóa năm 2020;

Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của UBND huyện về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Hướng Hóa giai đoạn 2016 – 2020;

Ủy ban nhân dân huyện và các phòng, ban, UBND xã, thị trấn đã ban hành trên 207 văn bản như quyết định, kế hoạch, công văn, báo cáo đánh giá... để chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, ban ngành, UBND các xã, thị trấn tập trung thực hiện có hiệu quả mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn.

3. Công tác tuyên truyền, phổ biến cơ chế, chính sách

- Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách về giảm nghèo bền vững được các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm, chỉ đạo triển khai thực hiện thông qua nhiều hình thức với nhiều nội dung phong phú. Hàng năm, đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cấp huyện, cấp xã luôn được tập huấn, nâng cao năng lực về công tác giảm nghèo, tiếp cận các văn bản, chính

sách mới của Đảng và Nhà nước về công tác giảm nghèo. Bên cạnh đó Đài PT-TH (nay là Trung tâm VH-TT-TD huyện) cũng thực hiện các phóng sự tại địa bàn các xã, thị trấn, đồng thời còn tăng cường công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức như: Phóng sự, tin, bài...

- Đánh giá hiệu quả của công tác tuyên truyền

+ Đối với việc nâng cao nhận thức của cán bộ các cấp, các ngành:

Qua các buổi tập huấn về các chính sách giảm nghèo cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp đã nâng cao năng lực, nhận thức của đội ngũ cán bộ trong công tác giảm nghèo, xác định giảm nghèo bền vững là mục tiêu chung của toàn Đảng, toàn dân để cùng với nhân dân thực hiện tốt công tác này.

+ Đối với việc khơi dậy ý thức chủ động vươn lên thoát nghèo của người dân:

Thông qua các buổi truyền thông về công tác giảm nghèo đã góp phần nâng cao nhận thức của người dân về giảm nghèo; giúp người dân trên địa bàn huyện, đặc biệt là các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số hiểu và nắm rõ hơn chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về giảm nghèo bền vững. Khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo và huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

4. Công tác thông tin, báo cáo, kiểm tra, đánh giá định kỳ

UBND huyện đã tiến hành kiểm tra, giám sát và đánh giá Chương trình một cách đồng bộ, phù hợp từ huyện đến xã, thị trấn, lấy đơn vị cấp xã làm đơn vị tác động của từng chính sách, dự án cũng như kết quả thực hiện Chương trình. Hệ thống báo cáo giám sát và đánh giá giảm nghèo theo Thông tư 39/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – TB&XH về hướng dẫn quy trình kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 đã được UBND huyện triển khai đến các phòng, ban chuyên môn cấp huyện, UBND các xã, thị trấn tiến hành báo cáo định kỳ, thường xuyên và đột xuất cho Ban Chỉ đạo các CTMTQG huyện, UBND huyện để nắm bắt tình hình, chỉ đạo, xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh. Đồng thời UBND huyện tiến hành báo cáo kịp thời, đúng tiến độ theo yêu cầu cấp trên.

Công tác giám sát và đánh giá được triển khai thường xuyên, định kỳ 6 tháng, quý, năm hoặc đột xuất UBND huyện tiến hành kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình của các phòng, ban chuyên môn, UBND xã, thị trấn. Đồng thời, UBND huyện chịu trách nhiệm trước các Đoàn kiểm tra của UBND tỉnh, Ban chỉ đạo các CTMTQG tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh... về kết quả thực hiện Chương trình.

Tuy nhiên, công tác chỉ đạo, giám sát, đánh giá của Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN và các đoàn thể ở một số xã, thị trấn còn chưa được chú trọng và thiếu đồng bộ dẫn đến các hiệu quả của các chính sách giảm nghèo chưa cao. Hơn nữa do địa hình đi lại khó khăn, nên công tác kiểm tra, giám sát chưa được thực hiện thường xuyên và liên tục.

II. Kết quả thực hiện

1. Về chính sách giảm nghèo chung

1.1. Chính sách về tín dụng ưu đãi:

Giai đoạn 2011 - 2020; Ngân hàng CSXH đã thực hiện chỉ tiêu giải ngân vốn cho hộ nghèo, hộ cận nghèo vay để sản xuất, kinh doanh đạt kết quả khá cao, huy động được nhiều nguồn vốn qua nhiều kênh khác nhau như kênh hộ nghèo, cận nghèo, chương trình tín dụng ưu đãi học sinh sinh viên, nhà ở hộ nghèo, chương trình hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn, hộ gia đình sản xuất kinh doanh, nước sạch vệ sinh môi trường... với 19.686 lượt đối tượng được vay, số tiền đã cho vay 495.787 triệu đồng, nâng tổng dư nợ ưu đãi lên: 373.746 triệu đồng, với 13.714 lượt đối tượng được vay vốn, nên đã cơ bản giải quyết vấn đề vốn để sản xuất - kinh doanh. Công tác cho vay được giải quyết theo các thủ tục quy trình. Việc uỷ thác cho 4 hội, đoàn thể là: Nông dân, Phụ nữ, Cựu chiến binh và Đoàn thanh niên được Ngân hàng CSXH đánh giá thực hiện trong những năm qua có hiệu quả, củng cố và tăng cường trách nhiệm ở cấp huyện và cấp xã nhằm thực hiện tốt các chương trình tín dụng nhà nước.

Nhờ chính sách tín dụng ưu đãi mà trong những năm qua, đa số người nghèo đều có vốn để đầu tư cho sản xuất kinh doanh, người nghèo mạnh dạn hơn trong việc vay vốn, ý thức trách nhiệm cũng như kinh nghiệm sử dụng vốn vay được nâng lên. Đây chính là yếu tố quan trọng mang lại kết quả giảm nghèo nhanh, bền vững trong nhân dân.

1.2. Chính sách khuyến nông, lâm và hỗ trợ phát triển sản xuất:

1.2.1. Giai đoạn 2011 – 2015: Hướng dẫn cách làm ăn cho người nghèo là khâu then chốt và biện pháp hữu hiệu nhất để giảm bớt nghèo, bảo đảm tính ổn định, bền vững cho chương trình mục tiêu về giảm nghèo nói riêng và phát triển kinh tế xã hội nói chung. Thông qua hợp phần phát triển sản xuất của chương trình 135, chương trình xây dựng nông thôn mới, khuyến nông khuyến lâm, Quyết định 755/QĐ-TTg đã tổ chức được 128 lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật về chăn nuôi gia súc, gia cầm, trồng rừng, Bảo vệ thực vật, cà phê, tiêu, cây cao su, cây ăn quả, rau các loại, ngô lai... cho 4.736 lượt người là hộ nghèo và cận nghèo tham gia; hỗ trợ cây giống các loại, con giống, hỗ trợ phân bón và thiết bị máy móc phục vụ cho sản xuất, nước sinh hoạt và xây dựng trên 125 mô hình phát triển kinh tế như: Nuôi cá truyền thống, mô hình nuôi lợn thịt bảo đảm VSMT kết hợp bể khí biogas, bò sinh sản, gà đồi, bò câu pháp... thâm canh lúa miền núi, thâm canh cây cà phê chè giống mới; cải xanh và các loại rau ăn lá, thâm canh cây bời lời đỏ..., với 7.533 lượt hộ nghèo được hưởng lợi, tổng kinh phí là 20.294,6 triệu đồng, góp phần thay đổi tập quán sản xuất, nhận thức của người dân về cây trồng và vật nuôi.

1.2.2. Giai đoạn 2016 – 2020: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo tại địa bàn các xã, thôn/bản đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đã góp phần vào cải thiện đời sống và sản xuất cho người dân các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn và trực tiếp là những hộ

hưởng lợi. Năng lực của cán bộ khuyến nông thôn bản và trình độ sản xuất của người dân được nâng lên, người dân đã được tiếp cận với những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong việc nâng cao kiến thức trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, sử dụng máy móc công cụ. Những giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất và chất lượng cao được hỗ trợ kịp thời để đưa vào sản xuất, góp phần làm tăng năng suất, sản lượng cây trồng, vật nuôi trên địa bàn. Thông qua việc hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, hỗ trợ phân bón người dân đã có điều kiện để chuyển từ hình thức sản xuất quảng canh sang hình thức sản xuất bán thâm canh và thâm canh. Năng suất các loại cây trồng đều tăng lên qua các năm. Kinh phí nhà nước hỗ trợ thực hiện giai đoạn 2016 - 2020 là 24.978 triệu đồng với 5.833 hộ hưởng lợi. Hỗ trợ xây dựng 04 mô hình nuôi bò cái vàng Việt Nam sinh sản, kinh phí 1.000 triệu đồng.

Tổ chức khai hoang 156 ha đất sản xuất và ruộng nước, kinh phí 950 triệu đồng cấp cho trên 300 hộ nghèo để thêm đất canh tác, sản xuất.

1.3. Chính sách hỗ trợ về nhà ở:

Tiếp tục thực hiện chương trình xây dựng nhà ở hộ nghèo theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ: Đã hoàn thành đưa vào sử dụng thêm 492 nhà ở hộ nghèo, nâng tổng số nhà ở 167 đã xây dựng lên 753 nhà, kinh phí xây dựng trên 15.060 triệu đồng.

BVĐ quỹ vì người nghèo đã huy động được 4.585,3 triệu đồng từ nguồn hỗ trợ 02 ngày lương của cán bộ công chức, viên chức, người lao động và kêu gọi vận động các nhà hảo tâm, các đơn vị trong và ngoài tỉnh để hỗ trợ thêm cho 449 hộ nghèo được hỗ trợ xây dựng nhà ở theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg và xây dựng mới 80 đại đoàn kết, sửa chữa 220 nhà đại đoàn kết, kinh phí 10.371 triệu đồng.

Đã hỗ trợ vay vốn ưu đãi để hộ nghèo xây dựng mới, nâng cấp 87 nhà ở theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ, với mức vay 25 triệu đồng/hộ từ Ngân hàng Chính sách xã hội, lãi suất vay 3%/năm; thời hạn vay 15 năm, trong đó thời gian gia hạn là 5 năm, nâng tổng số hộ nghèo được hỗ trợ vay vốn lên 140 hộ, với kinh phí đã giải ngân là 3.500 triệu đồng.

Hoàn thành việc xây dựng 129 nhà ở phòng, tránh bão, lụt theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ, kinh phí hỗ trợ 2.020 triệu đồng.

Nhìn chung, chính quyền các cấp, các ban ngành đoàn thể tập trung thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở. Các hộ nghèo rất phấn khởi khi được Đảng và Nhà nước quan tâm, hỗ trợ xây dựng nhà ở phù hợp phong tục tập quán địa phương, chất lượng đảm bảo, tạo điều kiện cho các hộ nghèo có nhà ở ổn định, an toàn, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống, làm thay đổi diện mạo nông thôn miền núi.

1.4. Hỗ trợ về giáo dục và đào tạo:

Các chính sách hỗ trợ về giáo dục hiện hành được UBND huyện chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị trường học tổ chức thực hiện kịp thời

đầy đủ tạo điều kiện cho học sinh nghèo, học sinh đồng bào DTTS thực hiện quyền đi học một cách thuận lợi.

- Giai đoạn 2011 – 2015: 100% học sinh, sinh viên được hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước về miễn, giảm học phí theo Nghị định 49/2010/NĐ-CP của Chính phủ, có 2.057 lượt học sinh, sinh viên đang theo học các trường từ trung cấp chuyên nghiệp trở lên, số tiền trên 6.687 triệu đồng, có 21.602 lượt học sinh được trợ cấp xã hội, số tiền 13.480 triệu đồng, có 21.149 lượt em học sinh dân tộc thiểu số bán trú được trợ cấp tiền ăn, kinh phí thực hiện 30.604,9 triệu đồng, hỗ trợ 636,3 tấn gạo cho 5.259 em là học sinh dân tộc thiểu số bán trú, kinh phí khoảng 6.363 triệu đồng. Chính sách hỗ trợ về giáo dục-đào tạo trong thời gian qua đã giúp cho học sinh, sinh viên con hộ nghèo, hộ cận nghèo đến trường đầy đủ, yên tâm học hành, việc vận động học sinh đến trường không còn là một vấn đề nan giải như những năm trước đây nữa, nên tỷ lệ bỏ học giảm, nhiều em đã cố gắng vươn lên đạt được thành tích cao trong học tập, đặc biệt là học sinh người dân tộc thiểu số, góp một phần lớn vào việc nâng cao chất lượng dạy và học.

- Giai đoạn 2016 – 2020: Hoàn thành việc thụ lý hồ sơ và thực hiện tốt chính sách miễn giảm học phí, chi phí học tập học 41.932 lượt học sinh, sinh viên, kinh phí 30.363,2 triệu đồng; hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo từ 3-5 tuổi với 22.766 cháu, kinh phí 63.229,5 triệu đồng, trong đó thuộc đối tượng hộ nghèo chiếm 72,2%; hỗ trợ học bổng, phương tiện, đồ dùng học tập cho học sinh khuyết tật, thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo Thông tư số 42/2013/TT-BGDĐT, với 333 lượt đối tượng, số tiền 3.166 triệu đồng; hỗ trợ tiền ăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 với 1898 học sinh, số tiền 9.300,3 triệu đồng với 194.770 kg gạo. Chính sách hỗ trợ về giáo dục - đào tạo trong thời gian qua đã giúp cho học sinh, sinh viên con hộ nghèo, hộ cận nghèo đến trường đông đủ, yên tâm học tập, tỷ lệ bỏ học giảm, nhiều em đã cố gắng vươn lên đạt được thành tích cao trong học tập, đặc biệt là học sinh người dân tộc thiểu số, góp một phần lớn vào việc nâng cao chất lượng dạy và học

1.5. Hỗ trợ về y tế:

Đã cấp 295.762 thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo kinh phí 155.105,7 triệu đồng, đảm bảo 100% đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo đều có thẻ bảo hiểm y tế. Công tác cấp phát thẻ BHYT cho người nghèo, người thuộc diện hộ cận nghèo trên địa bàn đã bảo đúng đối tượng, kịp thời, nên đã tạo điều kiện cho người nghèo, cận nghèo được khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe được tốt hơn, xóa bỏ những hủ tục lạc hậu trong quan niệm và biện pháp chữa bệnh, nâng cao sức khỏe nhân dân, tạo sự bình đẳng trong xã hội và giúp cho người nghèo, cận nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản. Công tác khám chữa bệnh ngày càng đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn huyện, triển khai tốt các chương trình y tế quốc gia, thực hiện việc khám chữa bệnh miễn phí theo chính sách ưu đãi của nhà nước đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, và đồng bào dân tộc thiểu số.

1.6. Chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm:

- Công tác đào tạo nghề, tập huấn nghề: Xác định nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lao động nông thôn có tầm quan trọng trong tạo việc làm, tăng giá trị sản xuất thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, giảm nghèo bền vững, UBND huyện đã chỉ đạo các các cơ quan, ban ngành, UBND các xã, thị trấn tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 09-NQ/HU ngày 9/02/2015 của Huyện ủy Hướng Hóa về “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2015-2020”. UBND huyện chú trọng thực hiện các chính sách đào tạo, dạy nghề cho lao động nông thôn nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo thu nhập, giảm nghèo bền vững.

Thông qua các trung tâm, các trường dạy nghề trong và ngoài huyện đã tổ chức đào tạo 114 lớp nghề về kỹ thuật trồng và chăm sóc cây cao su, cà phê; nuôi và phòng bệnh cho gia súc, gia cầm và kỹ thuật điện dân dụng, thợ mộc, thợ nề... cho trên 2.890 người thuộc hộ nghèo tham gia, kinh phí 7.630 triệu đồng, nên đã tạo cơ hội cho lao động thuộc hộ nghèo tìm được một công việc phù hợp với khả năng, năng lực của bản thân để có công ăn việc làm ổn định. Đến cuối năm 2020, dự kiến tỷ lệ lao động qua đào tạo, tập huấn nghề 35,47%; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 29,2% . Ước thực hiện tạo việc làm mới đến năm 2020 cho 12.015 lao động, bình quân mỗi năm tạo việc làm mới hơn 1.200 lao động.

- Công tác xuất khẩu lao động: Đã thực hiện tư vấn, tuyên truyền xuất khẩu lao động đến từng thôn, xóm; Phát 40.200 tờ rơi đến tất cả người dân của 21 xã, thị trấn. Dự kiến đến cuối năm 2020, toàn huyện có 350 lao động đi làm việc ở nước ngoài, chủ yếu là các thị trường Nhật Bản, Malaixia, Hàn Quốc, Đài Loan ... Người tham gia xuất khẩu lao động đã được đào tạo nghề nghiệp, khi lao động ở nước ngoài đã có thu nhập gửi tiền về phụ giúp gia đình.

1.7. Chính sách hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý:

Công tác phổ biến giáo dục pháp luật được quan tâm, củng cố tăng cường, đổi mới hình thức ngày một hiệu quả hơn; đã thành lập và duy trì chế độ sinh hoạt định kỳ của 18 câu lạc bộ trợ giúp pháp lý; tổ chức 320 đợt trợ giúp pháp lý lưu động về các xã đặc biệt khó khăn, tư vấn pháp luật cho 26.558 lượt người về Luật Đất đai, Luật bình đẳng giới, Luật Hôn nhân gia đình, hôn nhân cận huyết thống, tảo hôn, Luật Trẻ em..., tổ chức tuyên truyền về luật giao thông đường bộ, Nghị định 171/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính, Pháp lệnh 34 về thực hiện dân chủ ở cơ, truyền thông về kiến thức phòng ngừa mua bán người, nên đã góp phần tích cực trong việc nâng cao nhận thức pháp luật cho người dân nói chung và người nghèo nói riêng, đưa chủ trương, chính sách giảm nghèo, công bằng xã hội đi vào cuộc sống.

1.8. Chính sách hỗ trợ người nghèo hưởng thụ văn hóa, thông tin:

Đã tổ chức được 22 buổi truyền thông tại các xã đặc biệt khó khăn, với 680 người nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo tham gia. Qua đợt truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về giảm nghèo;

giúp người dân trên địa bàn huyện, đặc biệt là các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số hiểu và nắm rõ hơn chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về giảm nghèo bền vững. Khơi dậy tinh thần tự lực vươn lên thoát nghèo và huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Duy trì, quản lý tốt các pano, áp phích, khẩu hiệu để tuyên truyền về công tác giảm nghèo bền vững; Phục vụ tốt bạn đọc và quản lý có hiệu quả Dự án “Nâng cao khả năng sử dụng máy tính, và truy cập internet cộng đồng tại Việt Nam”.

Tính đến nay, toàn huyện có 149/149 thôn, bản phát động và được công nhận làng văn hóa đạt tỷ lệ 100%; có 142 nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng tạo điều kiện cho người dân tham gia học hỏi kinh nghiệm về đời sống văn hóa, phát triển sản xuất... nhờ vậy đã cải thiện, đáp ứng nhu cầu thiết yếu về văn hóa tinh thần cho nhân dân, khơi dậy và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, tạo môi trường văn hóa lành mạnh cho cả cộng đồng xã hội.

Hàng năm Trung tâm VH-TT huyện xây dựng 20 chuyên mục về tuyên truyền giảm nghèo bền vững. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giới thiệu những cách làm hay, những mô hình sản xuất, kinh doanh hiệu quả; phổ biến những kiến thức, kinh nghiệm, gương điển hình trong công tác xóa đói giảm nghèo, vươn lên làm giàu của các cá nhân.

1.9. Dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã ĐBKK, biên giới:

Thông qua nguồn vốn Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững, đã ưu tiên đầu tư mới 157 công trình, đầu tư chuyển tiếp vốn cho 40 công trình và đầu tư duy tu bảo dưỡng 12 công trình quan trọng phục vụ dân sinh, phúc lợi công cộng tại các xã đặc biệt khó khăn, biên giới, với tổng kinh phí 156.487 triệu đồng; Việc đầu tư cơ sở hạ tầng được thực hiện theo trình tự ưu tiên các công trình thiết yếu phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội và dân sinh, khắc phục sự đầu tư dàn trải; công tác giám sát thi công được chú trọng, đồng thời đã tích cực lồng ghép các nguồn vốn khác để thực hiện; nên đã góp phần quan trọng làm thay đổi cơ bản cơ sở hạ tầng vùng ĐBKK, là động lực thúc đẩy phát triển sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi trong giao thông đi lại, trao đổi hàng hóa, phát triển du lịch, dịch vụ, góp phần tích cực thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

1.10. Các chính sách khác:

1.10.1. Hỗ trợ tiền điện

UBND huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo theo Thông tư 190/2014/TT-BTC về quy định chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội. Hàng năm, chỉ đạo Phòng LĐ-TB&XH tham mưu Quyết định phê duyệt danh sách hộ nghèo, hộ chính sách được hỗ trợ tiền điện theo quý, gồm: hộ nghèo (từ năm 2018 hỗ trợ hộ nghèo về thu nhập), hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong tháng không quá 50kWh ở

vùng có điện lưới), và hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo và sống ở vùng chưa có điện lưới). Phân bổ kinh phí về UBND các xã, thị trấn trực tiếp hỗ trợ cho người dân, với tổng kinh phí đã hỗ trợ là: 22.380,1 triệu đồng.

1.10.2. Hỗ trợ trực tiếp theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009

Tổng nguồn vốn được phân bổ từ năm 2013 đến năm 2018 là: 11.634,5 triệu đồng. Trong đó hỗ trợ xã khu vực II (80.000 đồng/người/năm) là: 42.968 lượt người; khu vực III (100.000 đồng/người/năm) là: 82.003 lượt người.

- Hỗ trợ tiền mặt: 3.022,3 triệu đồng, kinh phí được chuyển trực tiếp về UBND xã cấp phát trực tiếp cho các đối tượng thụ hưởng.

- Hỗ trợ bằng hiện vật: Cấp muối Iốt, dầu ăn, giống keo lai giâm hom, bì lờ đỏ, tiêu, caphe chè, cao su, cam, quýt, mít, bơ, cỏ voi và thuốc thú y, với tổng kinh phí thực hiện là 8.612, 2 triệu đồng.

1.10.3. Hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nước sinh hoạt

- Thực hiện Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở, và nước sinh hoạt cho hộ dân tộc thiểu số, đời sống khó khăn. Kinh phí thực hiện là 7.186 triệu đồng với 2.795 hộ hỗ trợ nông cụ sản xuất, nước sinh hoạt, khai hoang đất sản xuất, bò giống sinh sản.

- Thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 về phê duyệt chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 – 2020. Tổng kinh phí phân bổ đến nay là 600 triệu đồng để chuyển đổi nghề, nước sạch, khai hoang đất sản xuất, với trên 230 hộ hưởng lợi.

1.10.4. Hỗ trợ gạo, muối:

Tiếp nhận và cấp phát 3.930,4 tấn gạo của Chính phủ cho 44.577 lượt hộ, 227.009 lượt khẩu thuộc đối tượng là hộ nghèo, cận nghèo và đối tượng gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, thiếu lương thực trong dịp tết Nguyên đán và giáp hạt đảm bảo đúng đối tượng, công khai, minh bạch từ cơ sở, trị giá là 38.776,42 triệu đồng.

Hoàn thành việc cấp 125,55 tấn bột canh muối i-ốt cho 3.974 hộ, 20.959 hộ nghèo của 19 xã, thị trấn vùng khó khăn theo quy định của chính phủ vào năm 2012 với kinh phí 1.931 triệu đồng, và 270 tấn muối cho 12.266 hộ/58.570 khẩu trên địa bàn huyện.

1.10.5. Hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19:

Thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ; Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; UBND huyện đã tập trung tổ chức, thực hiện việc hỗ trợ người nghèo, người cận nghèo gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 gây ra, đảm bảo 100% đối tượng là hộ nghèo, cận nghèo được hỗ trợ, định

mức 750.000 đồng/người/03 tháng, số tiền chi trả là 25.645 triệu đồng cho 34.195 người (trong đó thuộc hộ nghèo 23.820 người, cận nghèo 10.375 người).

3. Đánh giá kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết

3.1. Thực trạng hộ nghèo và nguyên nhân:

Toàn huyện Hướng Hóa có 4.708 hộ nghèo, chiếm 21,25% tổng dân cư trên địa bàn huyện, trong đó: số hộ nghèo về thu nhập là 4.706 hộ, số hộ nghèo thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản là 02 hộ.

Các nguyên nhân nghèo chủ yếu:

- Thiếu đất sản xuất: Chưa có đất sản xuất tối thiểu theo quy định tại Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 28/5/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị

- Chương trình hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi còn manh mún, dàn trải, chất lượng cây con giống chưa cao.

- Lao động thiếu việc làm ổn định: Lao động trong độ tuổi có trình độ đào tạo thấp (thường chỉ tốt nghiệp THPT), không tìm kiếm việc làm ổn định.

- Đông người nhưng thiếu lao động: Một số gia đình đông người 7-11 khẩu nhưng con cái đều đang tuổi học hành, chỉ có bố mẹ làm nương rẫy.

- Không có lao động, phụ thuộc vào trợ cấp BTXH: Một số hộ gia đình chỉ có 2 hoặc 01 khẩu ngoài độ tuổi lao động.

- Thiếu kinh nghiệm làm ăn.

- Lười lao động.

3.2. Phân công, chỉ đạo, theo dõi thực hiện mục tiêu giảm nghèo trên địa bàn.

Căn cứ Nghị quyết 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020; Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/6/2016 của Thủ tướng chính phủ về ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, UBND huyện đã ban hành Quyết định kiện toàn, thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Hướng Hóa giai đoạn 2016 – 2020 và phân công các thành viên phụ trách địa bàn (QQĐ 390/QĐ-UBND ngày 12/3/2020. Qua đó, phân công nhiệm vụ của các thành viên BCD trong công tác điều hành, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chính sách liên quan đến 2 Chương trình MTQG trên địa bàn huyện đó là: Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

Hàng năm, Ban Chỉ đạo các CTMTQG ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, trong đó đặt ra mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể cần đạt được trong năm. Đồng thời Ban Chỉ đạo CTMTQG tiến hành kiểm tra, giám sát công tác thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững tại địa bàn các xã, thị trấn. Cùng với Ban Chỉ đạo các CTMTQG tỉnh Quảng Trị giám sát tại một số xã trên địa bàn và chịu trách nhiệm giám sát trước Ban chỉ đạo CTMTQG tỉnh.

Hướng dẫn, đôn đốc UBND các xã, thị trấn các thành viên Ban chỉ đạo chịu trách nhiệm cùng với UBND xã, thị trấn trong công tác giảm nghèo bền

vững, như thực hiện nguồn vốn giảm nghèo được phân bổ để hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập; thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm một cách khách quan, công bằng, dân chủ đảm bảo quyền lợi chính đáng của người dân trên địa bàn.

Hàng năm, UBND huyện ban hành các Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều trên địa bàn huyện; Ban hành các Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện. Qua đó chỉ đạo Phòng LĐ-TB&XH (*cơ quan thường trực*); các phòng, ban chuyên môn phối hợp hướng dẫn công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm và chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tiến hành công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm một cách khách quan, dân chủ, chính xác, phản ánh đúng thực trạng nghèo của địa phương. Sau khi có kết quả điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm, Phòng LĐ-TB&XH huyện có trách nhiệm hướng dẫn UBND các xã, thị trấn thu thập và tiến hành cập nhật dữ liệu hộ nghèo vào phần mềm quản lý.

4. Đánh giá chung

4.1 Thuận lợi

Trong những năm qua, công tác giảm nghèo luôn được cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp quan tâm, chỉ đạo và triển khai thực hiện đạt được những kết quả tích cực, tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giảm trên 03%, dự kiến giảm còn 17,48% vào cuối năm 2020. Các chính sách giảm nghèo được triển khai, thực hiện đồng bộ, đúng quy trình và kịp thời; Công tác huy động nguồn lực được quan tâm.

- Thông qua thực hiện Chương trình giảm nghèo đã góp phần thay đổi đáng kể đời sống của người dân, diện mạo của các vùng, các nhóm dân cư, đời sống của người nghèo được nâng lên, ý thức trách nhiệm của người dân trong công tác giảm nghèo được chú trọng, người nghèo đã được tiếp cận tốt hơn các chính sách và nguồn lực hỗ trợ của nhà nước và cộng đồng cho phát triển kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập, nhiều hộ thoát nghèo bền vững.

- Chương trình giảm nghèo đã thu hút được sự tham gia, hưởng ứng nhiệt tình của toàn xã hội. Các phong trào "Ngày vì người nghèo" của Ủy ban Mặt trận TQVN và các phong trào của Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên các cấp đã thu hút đông đảo sự quan tâm và giúp đỡ của các cá nhân, cộng đồng, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội hỗ trợ hàng trăm triệu đồng cho giảm nghèo, đặc biệt là sự đóng góp của người dân ở cộng đồng dân cư đã đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo của địa phương.

- Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đã góp một phần lớn vào cải thiện đời sống và sản xuất cho người. Tạo được công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống cho những hộ nghèo. Với các hạng mục hỗ trợ đã giúp người dân tiếp cận được với những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong việc nâng cao kiến thức trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, sử dụng máy móc công cụ (thông qua những lớp tập huấn nâng cao kiến thức khoa học kỹ thuật). Những giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất và chất lượng cao được hỗ trợ kịp thời để đưa

vào sản xuất, góp phần tăng năng suất, sản lượng cây trồng, vật nuôi, xóa bỏ tập tính sản xuất lạc hậu, tự cung tự cấp.

4.2. Hạn chế và nguyên nhân

4.2.1. Hạn chế:

- Hiệu quả sử dụng nguồn lực hỗ trợ từ các Chương trình của người dân còn thấp, ảnh hưởng đến chất lượng mô hình hỗ trợ.

- Kết quả giảm nghèo chưa bền vững, hàng năm vẫn có một số hộ tái nghèo. Chất lượng cuộc sống của nhóm hộ mới thoát nghèo còn thấp, còn những khó khăn nhất định.

- Số lao động chưa qua đào tạo còn nhiều, tay nghề lao động chủ yếu mức phổ thông, lao động nông thôn làm việc theo tính mùa vụ. Việc chuyển đổi cơ cấu ngành nghề nông thôn chậm, hiệu quả chưa cao.

- Thu nhập bình quân đầu người được cải thiện nhưng còn khoảng cách khá xa so với bình quân chung toàn tỉnh.

- Công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến chính sách hỗ trợ để làm cho người dân biết và hiểu được mục tiêu của dự án hỗ trợ phát triển sản xuất ở một số xã còn hạn chế, nên các nội dung hỗ trợ chưa mang lại hiệu quả mong muốn.

- Đối tượng hưởng lợi chủ yếu là hộ nghèo, cận nghèo và hộ mới thoát nghèo, nhiều hộ còn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước; nên không phát huy được hiệu quả của các hạng mục hỗ trợ; khó triển khai xây dựng mô hình theo hướng quy mô liên kết.

- Việc cho vay vốn sản xuất, kinh doanh chưa gắn kết chặt chẽ với việc chuyển giao khoa học, kỹ thuật, hướng dẫn cách thức sản xuất, kinh doanh, chưa kết nối sản xuất với thị trường hàng hóa và một bộ phận người nghèo sử dụng vốn vay chưa đúng mục đích đã hạn chế hiệu quả của vốn vay.

4.2.2. Nguyên nhân:

- *Nguyên nhân khách quan:*

+ Địa bàn rộng, khó đi lại nên việc tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo và kiểm tra chính sách hỗ trợ ở một số cơ sở còn gặp nhiều khó khăn. Điều kiện thời tiết biến đổi thất thường, thiên tai (hạn hán, rét đậm rét hại, bão, lũ...), dịch bệnh thường xuyên xảy ra đã ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất của người dân và việc duy trì kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo của địa phương.

+ Định mức hỗ trợ từ các chương trình, dự án giảm còn thấp, khả năng đối ứng nguồn lực hạn chế chưa đủ để người nghèo phát triển sản xuất tạo sinh kế.

- *Nguyên nhân chủ quan:*

+ Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện của một số ngành, địa phương đôi lúc chưa sâu sát với tình hình thực tiễn ở cơ sở; công tác báo cáo, phản ánh tình hình thực hiện ở địa phương nhiều khi chưa kịp thời, không đầy đủ có ảnh hưởng đối với việc chỉ đạo thực hiện.

+ Năng lực tiếp cận và thực hiện các chính sách của người dân nói chung và của người nghèo nói riêng còn hạn chế.

+ Đối tượng là hộ nghèo, cận nghèo mới thoát nghèo dễ tổn thương khi gặp rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, biến động giá cả và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

+ Thị trường lao động hiện nay ở một số nước đòi hỏi trình độ chuyên môn, nghề nghiệp cùng với kinh phí cao nên không thu hút được nhiều lực lượng lao động người đồng bào dân tộc thiểu số, vì vậy kết quả thực hiện xuất khẩu lao động trong người đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều hạn chế, chưa đạt kế hoạch đề ra.

+ Tính liên kết, hợp tác trong sản xuất của người dân địa phương còn hạn chế.

+ Năng lực tổ chức thực hiện của cán bộ ở một số xã còn hạn chế; khả năng quản lý và điều hành thực hiện các chủ trương, chính sách các chương trình, dự án chưa thực sự hiệu quả.

+ Một bộ phận nhân dân còn có tư tưởng trông chờ vào các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, chưa có ý thức vươn lên thoát nghèo, làm giàu chính đáng.

4.3 Bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình thực hiện Nghị quyết

- Củng cố, tăng cường vai trò, trách nhiệm của Ban chỉ đạo chương trình giảm nghèo các cấp; thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, định kỳ tổ chức sơ, tổng kết nhân rộng điển hình.

- Cần nhận thức đầy đủ giảm nghèo bền vững là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, của người nghèo, hộ nghèo, cần sự vào cuộc của toàn hệ thống chính trị; giải quyết phải đồng bộ, toàn diện trên mọi mặt đời sống của người dân. Gắn nội dung giảm nghèo bền vững với phát triển kinh tế xã hội của địa phương, nâng cao vai trò trách nhiệm của hệ thống chính trị cấp xã.

- Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, chú trọng công tác lồng ghép các nguồn vốn đầu tư; kết hợp chặt chẽ, có hiệu quả giữa nguồn lực đầu tư của Nhà nước, địa phương, doanh nghiệp và của cộng đồng, gắn đầu tư cho phát triển sản xuất với đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực.

- Thường xuyên tuyên truyền đến tận người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số để họ nâng cao ý thức, tự phấn đấu vươn lên giảm nghèo bền vững; biết tiết kiệm, học hỏi, tự tạo việc làm, biết tìm việc làm, tận dụng cơ hội và sử dụng có hiệu quả chính sách hỗ trợ của Nhà nước, sự giúp đỡ của doanh nghiệp và cộng đồng xã hội.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra và giám sát việc thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất; nhân rộng những mô hình có hiệu quả kinh tế cao và rút ra những bài học kinh nghiệm ở những mô hình hiệu quả kinh tế thấp, để từ đó có những chính sách hỗ trợ hiệu quả trong thời gian tới.

- Thường xuyên bám sát địa bàn để có những chính sách phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Đồng thời phân công cán bộ chuyên môn phụ trách, hướng dẫn, chỉ đạo người dân sản xuất ngay từ khi lập hồ sơ đến triển khai thực hiện, tổng kết và nhân rộng mô hình.

5. Các đề xuất và kiến nghị

5.1. Về cơ chế, chính sách

- Nâng định mức hỗ trợ phát triển sản xuất đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo trong thực hiện dự án phát triển sản xuất từ 15 triệu đồng/hộ nghèo lên 25 triệu đồng.

- Mở rộng đối tượng hỗ trợ (hộ không nghèo) tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình giảm nghèo, vì đối tượng hưởng lợi là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo rất khó để xây dựng mô hình tập trung theo hướng liên kết trong sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm.

5.2. Về bố trí nguồn lực

- Đề nghị cấp trên phân bổ quan tâm sớm phân bổ các nguồn vốn để có cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án, không làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện công trình và phát triển kinh tế xã hội của huyện.

- Trong điều kiện nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo hàng năm bố trí cho huyện còn hạn hẹp, không đáp ứng nhu cầu kế hoạch đã đề ra, đề nghị UBND tỉnh cần có sự quan tâm, hỗ trợ cho huyện từ ngân sách tỉnh quản lý, từ nguồn vốn ODA... kêu gọi sự hỗ trợ của các tổ chức Phi chính phủ, các Tập đoàn kinh tế để tăng cường nguồn lực cho huyện đáp ứng việc thực hiện các mục tiêu giảm nghèo hàng năm đã đề ra.

Trên đây là kết quả thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020 trên địa bàn huyện Hướng Hóa./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Quảng Trị;
- Sở Lao động – TB&XH;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Chánh, các PVP HĐND&UBND;
- Lưu: VT, CV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH



Phạm Trọng Hồ